

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-PT.

Ngày: 25-6-2021.

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Tuấn

Bà Võ Thị Hồng Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo - Thư ký TAND tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định:

Bà Nguyễn Phạm Tố Phong - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số: 23/2021/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Do bản án Hôn nhân & gia đình sơ thẩm số: 134/2021/HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 18/2021/QĐ-PT ngày 03 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Minh C, sinh năm 1982 (có mặt)

Hiện trú tại: khu vực H, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh Thảo, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: xxx, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Minh C trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Thanh T tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường B. Sau khi cưới, chị Tở với mẹ vợ tại số nhà xx, phường B, còn anh công tác tại Sư đoàn y, tỉnh G. Đến tháng 3/2015 anh chuyển công tác về Ban chỉ huy quân sự thị xã A, vợ chồng chung sống tại nhà mẹ vợ đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị T và mẹ vợ tự dựng chuyện anh đánh vợ con, đốt nhà, nhận hối lộ, đòi giết người rồi viết đơn tố cáo gửi đến Ban chỉ huy quân sự thị xã A và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh B làm ảnh hưởng đến uy tín, công việc của anh. Không những vậy mẹ vợ còn nhiều lần gọi điện thoại cho lãnh đạo và đến tận cơ quan anh làm loạn, sau đó Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đã về xác minh, kiểm tra và kết luận những điều mà chị T tố cáo là sai sự thật. Việc chị T và mẹ vợ đặt điều, dựng chuyện tố cáo không chỉ ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm của anh mà còn ảnh hưởng đến thành tích của tập thể cơ quan, từ đó mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng căng thẳng, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Anh xác định vợ chồng chung sống không hạnh phúc, tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Nguyễn Hoài Kim L (sinh ngày 16.02.2012) và Nguyễn Hoài Ý L (sinh ngày 24.4.2018) hiện đang sống với chị T. Ly hôn anh yêu cầu giao cháu L cho chị T nuôi dưỡng, còn cháu L ở với ai do cháu quyết định. Nếu cháu L ở với anh thì anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, còn cháu Long ở với mẹ thì anh cấp dưỡng nuôi 2 con mỗi tháng 3.000.000đ.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Minh C tự nguyện tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường B vào năm 2010, sau khi cưới chị sống tại nhà mẹ ruột ở phường B, còn anh C ở tại đơn vị Sư y trên G. Đến năm 2015 mẹ chị xin chuyển anh C về công tác tại thị đội A, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà mẹ ruột chị. Trong cuộc sống mỗi khi vợ chồng cãi nhau thì anh C đòi ly dị, anh C tỏ vẻ cao ngạo, xem thường, chê lương chị thấp và dùng những từ ngữ ngoài xã hội để chửi bới, xúc phạm chị. Nhiều lúc đang dạy con học mà anh C công đánh con vô lý nên chị can ngăn thì anh C xúc phạm chị, những lần đó anh C la to tiếng nên chị nhẫn nhịn im lặng vì sợ hàng xóm chê cười nên anh C càng làm tới. Đầu năm 2020 vì dịch covid nên anh C ở luôn trong đơn vị không về, nay anh C yêu cầu ly hôn thì chị không đồng ý vì vẫn còn tình cảm với anh C và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy hai đứa con trưởng thành.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Nguyễn Hoài Kim L (sinh ngày 16.02.2012) và Nguyễn Hoài Ý L (sinh ngày 24.4.2018) hiện đang sống với chị, ly hôn chị yêu cầu nuôi hai người con và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con 6.000.000đ/con, tổng cộng 2 con là 12.000.000đ.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số: 134/2021/HNGĐ-ST ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 117, 116 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Minh C được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh T.

2/ Trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn:

2.1 Giao 02 người con tên Nguyễn Hoài Kim L (sinh ngày 16.02.2012) và Nguyễn Hoài Ý L (sinh ngày 24.4.2018) cho chị Thảo tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.2 Buộc anh Nguyễn Minh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi người con Nguyễn Hoài Kim L (sinh ngày 16.02.2012) mỗi tháng 2.000.000đ và người con Nguyễn Hoài Ý L (sinh ngày 24.4.2018) mỗi tháng 2.000.000đ, thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 3.2021 cho đến khi cháu L và cháu Ý đủ 18 tuổi.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi, việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Anh C, chị T không yêu cầu giải quyết

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, tuyên quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/4/2021, bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T kháng cáo không đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Minh C, không đồng ý mức cấp dưỡng như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thanh T vẫn giữ nguyên kháng cáo không đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Minh C, không đồng ý mức cấp dưỡng như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng khác cũng như các bên đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo hợp lệ, thủ tục kháng cáo đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh T. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trong hạn luật định, hình thức và nội dung đơn đúng quy định, chị T đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T không đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Minh C, Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh Nguyễn Minh C và chị Nguyễn Thị Thanh T tự nguyện kết hôn tại UBND phường B số vào sổ 110 ngày 10/9/2010 nên hôn nhân giữa anh C và chị T là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên trong quá trình chung sống, giữa anh C và chị T phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng giữa hai anh, chị không có biện pháp giải quyết, việc chị T gửi đơn tố cáo đến cơ quan của anh C làm ảnh hưởng đến uy tín danh dự dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng căng thẳng hơn. Quan trọng là quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, anh C xác định không còn tình cảm với chị T nên kiên quyết yêu cầu được ly hôn với chị T. Xét thấy, hôn nhân giữa anh C và chị T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được do đó cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh C là có căn cứ nên cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo không đồng ý ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T.

[3] Xét kháng cáo về mức cấp dưỡng nuôi con chung của chị T, thấy rằng: Anh C, chị T có 02 con chung tên Nguyễn Hoài Kim L (sinh ngày 16.02.2012) và Nguyễn Hoài Ý L (sinh ngày 24.4.2018). Anh C hiện đang công tác và cư trú tại Ban chỉ huy

Quân sự thị xã A, khu vực H, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định nên cấp sơ thẩm giao 2 con chung cho chị T nuôi dưỡng là có căn cứ. Cấp sơ thẩm đã xem xét mức thu nhập cũng như các chi phí sinh hoạt của anh C để cân đối mức cấp dưỡng 2.000.000/tháng/con là phù hợp với sinh hoạt, chi tiêu thực tế tại địa phương và theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo tăng mức cấp dưỡng của chị Thảo.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị T phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Phát biểu của đại diện VKSND tỉnh Bình Định tại phiên tòa về việc tuân thủ theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 117, 116 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 30 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 134/2021/HNGĐ-ST ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Minh C được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh T.

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 người con tên Nguyễn Hoài Kim L, sinh ngày 16.02.2012 và Nguyễn Hoài Ý L, sinh ngày 24.4.2018 cho chị T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ

chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Anh Nguyễn Minh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung Nguyễn Hoài Kim Long và Nguyễn Hoài Ý Lan mỗi tháng 2.000.000đ/con, thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 3.2021 cho đến khi cháu L và cháu L đủ 18 tuổi.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi, việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh C, chị T không yêu cầu giải quyết

4. Về án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004753 ngày 06/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Bình Định.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã A;
- TAND thị xã A;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nghĩa

